|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****TỈNH NINH BÌNH****TRƯỜNG THPT KIM SƠN A** | **KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP TỈNH****Năm học 2024-2025****Môn: Địa lí***Thời gian làm bài: 50 phút (không kể thời gian phát đề)* |
| *(Đề thi gồm 28 câu, trong 04 trang)* |  |

**ĐỀ LUYỆN SỐ 02 – NGÀY 21/10/2024**

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1. (TH)** Nhân tố nào dưới đây quyết định tính phong phú về thành phần loài của giới thực vật nước ta?

 **A.** Địa hình đồi núi chiếm ưu thế, có sự phân hóa phức tạp.

 **B.** Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hóa đa dạng.

 **C.** Sự phong phú, đa dạng của các nhóm đất và sông ngòi.

 **D.** Vị trí trên đường di cư và di lưu của nhiều loài thực vật.

**Câu 2. (TH)** Phát biểu nào sau đây không đúng với xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay?

**A.** Tốc độ chuyển dịch diễn ra còn chậm.

**B.** Đáp ứng đầy đủ sự phát triển đất nước.

**C.** Chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa.

**D.** Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

**Câu 3. (VD)** Huế có lượng mưa trung bình năm lớn chủ yếu là do

**A.** có frông, gió mùa Đông Bắc, gió tây nam Bắc Ấn Độ Dương, bão.

**B.** dải hội tụ nhiệt đới, bão và gió mùa Đông Bắc, gió hướng tây nam.

**C.** Tín phong, bão và địa hình núi đón gió từ biển, gió hướng tây nam.

**D.** tiếp giáp biển, dải hội tụ nhiệt đới, gió mùa Tây Nam, hoạt động frông.

**Câu 4. (VD)** Chế độ sông ngòi nước ta phụ thuộc chủ yếu vào các nhân tố nào sau đây?

 **A.** Địa hình, lưu lượng nước, chế độ mưa, hướng địa hình.

 **B**. Lưu vực sông, địa hình, chế độ mưa, lớp phủ thực vật.

 **C**. Chế độ mưa, hướng của dòng chảy, cơn bão nhiệt đới.

 **D**. Độ cao của địa hình, lớp phủ thực vật, tổng lượng mưa.

**Câu 5. (VD)** Giải pháp phân bố hợp lí dân cư và lao động trên phạm vi cả nước chủ yếu nhằm

**A.** Khai thác tốt tài nguyên, sử dụng lao động hợp lí.

**B.** Thay đổi cơ cấu tuổi, khai thác hợp lí tài nguyên.

**C.** Giảm bớt số lao động, nâng cao chất lượng sống.

**D.** Giải quyết vấn đề việc làm, giảm gia tăng dân số.

**Câu 6. (VD)** Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản khai thác chủ yếu là do

**A.** chủ động được về sản lượng và chất lượng để phục vụ thị trường.

**B.** khắc phục được dịch bệnh và Nhà nước chú trọng việc nuôi trồng.

**C.** diện tích mặt nước nuôi trồng tăng lên và được Nhà nước đầu tư.

**D.** cải thiện kỹ thuật nuôi trồng, khắc phục dịch bệnh và môi trường.

**Câu 7. (VD)** Công nghiệp sản xuất điện ngày càng phát triển do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Nhiều tiềm năng để phát triển, vốn đầu tư lớn, nhu cầu ngành kinh tế.

**B.** Sự phát triển kinh tế, mức sống được nâng cao, có tiềm năng phát triển.

**C.** Được sử dụng rộng rãi trong sinh hoạt, vốn đầu tư ngành điện lực lớn.

**D.** Nguồn vốn lớn, chất lượng cuộc sống được nâng cao, nhiều sông, suối.

**Câu 8. (VD)** Nhân tố nào sau đây có tác động lớn nhất đến hình thức tổ chức mạng lưới ngành dịch vụ?

**A.** Năng suất lao động, vị trí địa lí thuận lợi.

**B.** Truyền thống văn hoá, phong tục tập quán.

**C.** Mức sống và thu nhập thực tế người dân.

**D.** Phân bố dân cư và mạng lưới quần cư.

**Câu 9. (VD)** Đường bộ chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu khối lượng vận chuyển hàng hóa do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**A.** Cơ động, thích nghi với điều kiện địa hình, vận chuyển chủ yếu hàng xuất và nhập khẩu.

**B.** Quãng đường vận chuyển rất dài, chủ yếu là phương tiện chính để giao lưu với quốc tế.

**C.** Phân bố rộng khắp cả nước, đảm nhận vai trò quan trọng trong việc xuất khẩu hàng hóa.

**D.** Loại hình phù hợp với nước ta, thích hợp với việc vận chuyển ở cự li ngắn và trung bình.

**Câu 10. (VD)** Đẩy mạnh đa dạng hóa nông nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

**A.** Khai thác hiệu quả các điều kiện tự nhiên và bảo vệ môi trường.

**B.** Giảm rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập cho người dân.

**C.** Thích ứng với thị trường tiêu thụ, khai thác hiệu quả các nguồn lực.

**D.** Tăng khối lượng nông sản, thúc đẩy công nghiệp chế biến phát triển.

**Câu 11. (VD)**  Các ngành công nghiệp mũi nhọn ở Đồng bằng sông Hồng phát triển dựa trên thế mạnh chủ yếu nào sau đây?

**A.** Cơ sở hạ tầng hiện đại và nguồn lao động chất lượng cao nhất.

**B.** Nguồn tài nguyên, nguồn lao động và thị trường tiêu thụ lớn.

**C.** Mở rộng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp nước ngoài.

**D.** Những nền tảng phát triển công nghiệp từ các giai đoạn trước.

**Câu 12. (VDC)** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở Bắc Trung Bộ là

**A.** khai thác hợp lí tự nhiên, tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa.

**B.** đa dạng hóa nông nghiệp, bảo vệ tốt tài nguyên và môi trường.

**C.** đẩy mạnh tăng trưởng sản xuất, gắn liền các lãnh thổ với nhau.

**D.** khai thác thế mạnh mỗi vùng, tạo sự liên kết sản xuất lãnh thổ.

**Câu 13. (VDC)** Duyên hải cực Nam Trung Bộ có lượng mưa thấp nhất cả nước chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?

**A.** Ít chịu ảnh hưởng của các cơn bão, Tín phong Bắc bán cầu hoạt động rất mạnh.

**B.** Hướng của các dãy núi song song với hướng gió đông bắc, khuất gió Tây Nam.

**C.** Địa hình thấp dần về phía biển, chịu tác động của gió đất, gió biển và có ít bão.

**D.** Nằm ở vị trí đón gió mùa Đông Bắc, ít chịu ảnh hưởng của dải hội tụ nhiệt đới.

**Câu 14. (VDC)** Các khu công nghiệp ngày càng xuất hiện nhiều trên lãnh thổ nước ta chủ yếu là do

**A.** mở rộng quan hệ quốc tế, phát huy lợi thế tài nguyên, lao động.

**B.** phát huy lợi thế về tài nguyên, mở rộng thị trường ở trong nước.

**C.** đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước, tăng trưởng kinh tế.

**D.** giải quyết lao động, tận dụng triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**Câu 15. (VDC)** Dải bờ biển Trung Bộ của nước ta thường xảy ra sạt lở chủ yếu do

**A.** thềm lục địa sâu, sóng biển lớn, biến đổi khí hậu.

**B.** có nhiều bãi cát, ít rừng phòng hộ, cửa sông nhỏ.

**C.** ít rừng phòng hộ, thủy triều lên cao, mưa theo mùa.

**D.** thềm lục địa sâu, cửa sông nhỏ, con người tác động.

**Câu 16. (VDC)** Biện pháp quan trọng hàng đầu để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

**A.** thay đổi giống cây mới, phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng.

**B.** phát triển các mô hình kinh tế trang trại với quy mô ngày càng lớn.

**C.** nâng cao chất lượng đội ngũ lao động và thành lập các nông trường.

**D.** xây dựng cơ sở công nghiệp chế biến gắn với vùng chuyên canh.

**Câu 17. (VDC)** Các công trình thủy lợi ở Đông Nam Bộ mang lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

**A.** Phát triển ngành nuôi trồng thủy sản, ngành du lịch.

**B.** Tăng diện tích và hệ số sử dụng đất trồng hàng năm.

**C.** Cung cấp nước cho sinh hoạt, phát triển công nghiệp.

**D.** Hạn chế tình trạng lũ nguồn ảnh hưởng đế vùng khác.

**Câu 18 (VDC).** **Giải pháp nào sau đây là chủ yếu để thích ứng với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long?**

**A.** Duy trì, bảo vệ tài nguyên rừng trong phát triển; cải tạo đất.

**B.** Bảo vệ rừng; thau chua, rửa mặn đất bằng nguồn nước ngọt.

**C.** Kết hợp khai thác biển với đất liền, đẩy mạnh nuôi thủy sản.

**D.** Chuyển đổi cơ cấu kinh tế hợp lý, sống chung cùng thiên tai.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho đoạn thông tin sau

Sự luân phiên của các khối khí hoạt động theo mùa khác nhau cả về hướng và về tính chất đã tạo nên sự phân mùa của khí hậu Việt Nam. Miền Bắc có hai mùa khí hậu là mùa đông lạnh, ít mưa và mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều; giữa hai mùa có thời kì chuyển tiếp. Miền Nam có mùa mưa và mùa khô rõ rệt. Giữa Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Trung Bộ có sự đối lập về mùa mưa và mùa khô.

 **a)** Gió mùa Đông Bắc tạo nên một mùa đông lạnh kéo dài 2 - 3 tháng ở miền Bắc nước ta.

 **b)** Gió Tín Phong bán cầu bắc là nguyên nhân gây nên mùa mưa cho Tây Nguyên và Nam Bộ.

NDL

 **c)** Mùa mưa ở miền Trung đến muộn hơn so với cả nước chủ yếu là do tác động của dải hội tụ nhiệt đới.

 **d)** Mưa ngâu diễn ra vào tháng 8 ở đồng bằng Bắc Bộ , nguyên nhân là do gió mùa Đông Nam.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Năm 2021, Việt Nam có số dân là 98,5 triệu người, đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á và đứng thứ 15 trong số hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Dân số nước ta tăng nhanh trong nửa cuối thế kỉ XX. Việt Nam có 54 dân tộc cùng sinh sống. Mật độ dân số trung bình của nước ta là 297 người/km2. Tuy nhiên, phân bố dân cư có sự khác nhau giữa đồng bằng với trung du và miền núi, giữa các vùng kinh tế, giữa thành thị và nông thôn.

**a)** Quy mô dân số đông, tạo cho nước ta có nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**b)** Việc tập trung dân cư ở các thành phố lớn đang gây sức ép tới các vấn đề việc làm, giao thông, nhà ở,...

**c)** Việc di dân tự do đến khu vực trung du và miền núi đã làm cho tài nguyên vùng nhập cư bị cạn kiệt, ảnh hưởng xấu đến môi trường.

**d)** Việt Nam có 54 dân tộc, tạo nên nền văn hoá đa dạng và giàu bản sắc, các dân tộc Việt Nam đoàn kết, trình độ phát triển kinh tế - xã hội khá đồng đều tạo sức mạnh chung trong phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Số dân, sản lượng lương thực của nước ta, giai đoạn 2010 - 2020**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2019** | **2020** |
| Tổng số dân (*Nghìn người)* | 86497 | 91713 | 96484 | 97582,7 |
| Sản lượng lương thực *(Nghìn tấn)* | 44632,2 | 50379,5 | 48230,9 | 47321,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

 **a)** Tổng số dân và sản lượng lương thực của nước ta tăng liên tục trong giai đoạn 2010 - 2020.

 **b)** Sản lượng lương thực có tốc độ tăng nhanh hơn dân số nên bình quân lương thực đầu người tăng.

 **c)** Bình quân lương thực theo đầu người của nước ta năm 2020 tăng gấp 2 lần so với năm 2010.

 **d)** Biểu đồ đường là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tốc độ tăng trưởng số dân và sản lượng lương thực nước ta, giai đoạn 2010 - 2020.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

 Thủy sản là ngành kinh tế quan trọng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản của vùng Đông Nam Bộ. Trong giai đoạn 2010 - 2021, sản lượng thủy sản tăng nhanh, trong đó khai thác thủy sản chiếm ưu thế và tập trung chủ yếu ở Bà Rịa - Vũng Tàu. Vùng đang đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, đánh bắt xa bờ, định vị tàu thuyền, nâng cấp đội tàu khai thác ngoài khơi.

 **a)** Đông Nam Bộ có điều kiện thuận lợi để phát triển đánh bắt hải sản là có nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn.

 **b)** Hoạt động kinh tế biển có giá trị đối với vùng Đông Nam Bộ là ngành khai thác thủy sản.

 **c)** Việc chuyển đổi cơ cấu sản phẩm thủy sản nuôi trồng ở Đông Nam Bộ nhằm mang lại hiệu quả cao, đáp ứng thị trường.

 **d)** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh khai thác thủy sản xa bờ ở Đông Nam Bộ là tăng sản lượng, giải quyết việc làm, khai thác triệt để nguồn lợi.

**Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

**Câu 1 (TH).** Cho biết nhiệt độ ở chân sườn đón gió ẩm là 25°C, nhiệt độ ở chân sườn khuất gió 35°C. Cho biết độ cao của ngọn núi là bao nhiêu mét? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mét).

**Đáp án:**

**Câu 2 (TH).** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội và Cà Mau năm 2022** *(Đơn vị: 0C)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Hà Nội (Láng) | 18,6 | 15,3 | 23,1 | 24,8 | 26,8 | 31,4 | 30,6 | 29,9 | 29,0 | 26,2 | 26,0 | 17,8 |
| Cà Mau | 27,1 | 27,9 | 28,0 | 28,7 | 28,6 | 28,7 | 27,9 | 27,8 | 27,4 | 27,7 | 26,7 | 26,6 |

*(Nguồn: Niêm giám thống kê Việt Nam năm 2022)*

Cho biết biên độ nhiệt độ năm của Hà Nội cao hơn của Cà Mau bao nhiêu 0C? *(làm tròn đến một chữ số thập phân của 0C)*

**Đáp án:**

**Câu 3 (VD).** Theo thống kê, năm 2021 cả nước vẫn còn 3,2 % lao động thất nghiệp và 3,1 % lao động thiếu việc làm. Số lao động của nước ta là 50,6 triệu người. Cho biết số lượng người lao động cần giải quyết việc làm của nước ta năm 2021 là bao nhiêu triệu người? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).*

**Đáp án:**

**Câu 4 (VD).** Sản lượng thuỷ sản nước ta năm 2022 là 9,1 triệu tấn. Trong đó tỉ trọng sản lượng nuôi trồng chiếm 56,0 %. Hãy tính sản lượng khai thác thuỷ sản năm 2022 đạt bao nhiêu triệu tấn? *(làm tròn đến kết quả đến một chữ số thập phân).*

**Đáp án:**

**Câu 5 (VD).** Một người ở Việt Nam và một người ở Xan Phran xi-xcô đang cùng ngồi xem trực tiếp 1 trận Olympic bóng đá Nam. Tại thời điểm đó đồng hồ ở Việt Nam chỉ 8h30’(21/10/2024), đồng hồ ở Xan Phran xi-xcô là 17h30’(20/10/2024). Em hãy cho biết Xan Phran xi-xcô ở múi giờ nào?

 **Đáp án:**

**Câu 6 (VD).** Cho bảng số liệu:

LƯU LƯỢNG NƯỚC TRUNG BÌNH CÁC THÁNG CỦA SÔNG HỒNG (TRẠM HÀ NỘI)

*(Đơn* vị**:** *m3/s)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** |
| Lưu lượng nước  | 984 | 924 | 934 | 1061 | 1668 | 3080 |
| **Tháng** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| Lưu lượng nước  | 5632 | 5262 | 3584 | 2647 | 1863 | 1159 |

 *(Nguồn*: *Atlat Địa lí Việt Nam* - *NXB GDVN 2024*)

Dựa vào bảng số liệu, cho biết mùa lũ trên sông Hồng kéo dài mấytháng?

 **Đáp án:**

--------HẾT--------